

PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 467 | Ngày: 09/08/2026 21:58

Thông tin ca làm việc

Người tạo: Kiều Quốc Kiệt

Doanh thu: 1.958.500 đ

Tiền mặt: 532.000 đ

Chuyển khoản Tíngbox: 1.426.500 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 0 đ

Doanh thu cả ngày: 7.531.500 đ

Tiền mặt cả ngày: 3.757.000 đ

Chuyển khoản cả ngày: 3.774.500 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 0 đ

Nguyên vật liệu cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
1	Bánh Orio	12.00 Cái	0.08 Cây	0.00 Cây	Bổ sung thực tế cuối ca
2	Bột Cacao	211.00 gram	0.58 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
3	Bột Đá Xay	725.00 gram	0.28 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
4	Bột Milk Foam	11.00 gram	0.99 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
5	Cà Phê	319.00 gram	1.68 túi	1.00 túi	Bổ sung thực tế cuối ca
6	Đào Ngâm	1270.00 gram	0.00 Hộp	0.00 Hộp	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
7	Mứt đào	717.00 gram	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
8	Hồng Trà	522.00 gram	0.13 Gói	3.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
9	Soda	15.00 lon	0.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
10	Syrup Bạc Hà	171.00 ml	0.56 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
11	Syrup Lựu Đỏ	468.00 ml	0.33 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
12	Mứt Kiwi	770.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
13	Mứt Mãng Cầu	189.00 ml	0.11 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
14	Mứt Việt Quất	1064.00 ml	0.00 Chai	1.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
15	Mứt Xoài	831.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
16	Sữa Tươi Không Đường	517.00 ml	2.48 Hộp	2.00 Hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
17	Syrup Curacao	806.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
18	Syrup Đào	588.00 ml	0.41 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
19	Mứt ổi hồng	440.00 gram	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
20	Trà Ô Long	508.00 gram	0.15 Gói	5.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
21	Nước suối	19.00 chai	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
22	Trà Ô Long Đào	514.00 gram	0.14 Gói	4.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
23	Trần Châu 3Q Ngọc Trai	1702.00 gram	0.15 Gói	1.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
24	Sốt Matcha	154.00 ml	0.76 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
25	Sốt Chocolate	270.00 ml	0.57 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
26	Syrup Táo	654.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
27	Bột Kem Muối	447.00 ml	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
28	Bia Heineken bạc	9.00 Lon	0.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
29	Bia Heineken xanh	19.00 Lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
30	Cam	3944.00 gram	0.00 Kg	3094.00 Kg	Bổ sung thực tế cuối ca
31	Cà Rốt	2780.00 gram	0.22 Kg	0.00 Kg	Bổ sung thực tế cuối ca
32	Bánh yến mạch gạo lức đỏ	693.00 gram	0.00 gram	0.00 gram	Bổ sung thực tế cuối ca
33	Coca Cola	25.00 lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
34	Dưa Hấu	1063.00	0.00 Trái	0.00 Trái	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
35	Pepsi	18.00 lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
36	Trà dưỡng tâm	4.00 Gói	6.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
37	Trà dưỡng nhan	1.00 Gói	9.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
38	Vải Ngâm	6.00 Trái	0.00 Trái	14.00 Trái	Bổ sung thực tế cuối ca
39	Đậu Phộng Tỏi Ớt	28.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
40	Đậu Phộng Tôm - Rong Biển	25.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
41	Hướng Dương	22.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
42	Bột Matcha	814.00 gram	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
43	Trà lài	168.00 Gram	0.00 Gói	10.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
44	Rich lùn	242.00 ml	0.00 hộp	0.00 hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
45	Yaourt	18.00 Hủ	0.00 Hủ	0.00 Hủ	Bổ sung thực tế cuối ca
46	Bánh dad	26.00 Gói	0.00 Bịch	0.00 Bịch	Bổ sung thực tế cuối ca
47	Cốt chanh	229.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
48	Mứt hạt dẻ cười	291.00 Gram	0.00 Gr	0.00 Gr	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
49	Sốt caramel muối	647.00 Gr	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
50	Syrup Atiso	390.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
51	Syrup Bí đao	1051.00 Gr	0.00 Gr	0.00 Gr	Bổ sung thực tế cuối ca
52	Syrup vải	696.00 Gram	0.00 Gram	1.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
53	Syrup hazelnut	475.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
54	Syrup hoa hồng	1031.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
55	Syrup trà xanh	668.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
56	Syrup vanilla	82.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
57	Tiger Bạc	3.00 Lon	0.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
58	Sốt hạt dẻ cười	2807.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....